TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ C** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HS-ST
Ngày: 12-01-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Huy
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Minh
2. Ông Nguyễn Bình Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Nhật - Kiểm sát viên.

Ngày 12/01/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 137/2021/HSST ngày 01/11/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2021/QĐXXST-HS ngày 29/11/2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 23/6/1984 tại C, Khánh Hòa.
Nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.
Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn L, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1961; Chồng: Nguyễn Công N, sinh năm: 1980 (đã ly hôn). Con: Có 02 con (lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2014).
Tiền án, tiền sự: Không.
Bị cáo tại ngoại. (Có mặt tại phiên toà)

- Bị hại: Võ Thị Thanh L, sinh năm 1975
Nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:
1/ Hồ Đình T, sinh năm: 1971
Nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường L, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)
2/ Lê Thị Thùy D, sinh năm: 1987
Nơi cư trú: Tổ dân phố B, phường P, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

- Người làm chứng: Trần Thị Thanh N, sinh năm: 1995
Nơi cư trú: Tổ dân phố B, phường L, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Bích T và Võ Thị Thanh L là hàng xóm ở thôn B, xã Đ, thành phố

C. Năm 2018, T thấy nhà chị L có xe mô tô Wave RSX biển số 79C1-396.92 nên nảy sinh ý định trộm cắp. Thảo lấy trộm chìa khóa và giấy đăng ký xe mô tô mang tên Võ Thị Thanh L cất giấu.

Đến khoảng 16 giờ 30 phút ngày 03/4/2021, T thấy vợ chồng L để xe mô tô 79C1-396.92 tại nhà bà Kinh ở thôn Thống Nhất, xã Đ, thành phố C để vào nhà thờ Phú Nhơn. T nảy sinh ý định lấy trộm. T về nhà lấy chìa khóa xe mô tô 79C1-396.92 mà T lấy trước đó rồi quay lại lấy trộm xe mô tô 79C1-396.92 bỏ đi. T thấy trong cốp xe có chứng minh nhân dân phô tô của chị L nên T dán ảnh của mình đè lên ảnh chị L rồi phô tô lại để đi bán xe.

Đến ngày 05/4/2021, T bán xe mô tô 79C1-396.92 cho anh Hồ Ngọc T tại tiệm cầm đồ Vạn Phước ở tổ dân phố T, phường L, thành phố C với giá 11.000.000 đồng. Sau đó anh Hồ Ngọc T bán xe mô tô 79C1-396.92 cho chị Lê Thị Thùy D với giá 15.000.000 đồng. Đến ngày 22/6/2021, chị D bán xe mô tô 79C1-396.92 cho ông Nguyễn Văn Đ với giá 19.000.000 đồng.

Sau đó, chị D đến Đội Cảnh sát giao thông Công an thành phố C làm thủ tục sang tên cho ông Đ thì phát hiện xe này bị mất trộm.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 91/HĐĐG ngày 03/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng thành phố C kết luận: xe mô tô 79C1-396.92 trên, trị giá 18.060.000đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo Nguyễn Thị Bích T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Tự nguyện bồi thường thiệt hại và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt.

Với nội dung trên, tại bản cáo trạng số 93/CT-VKSCR-HS ngày 28/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa truy tố Nguyễn Thị Bích T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C giữ quyền công tố tại phiên tòa hôm nay sau khi đánh giá tính chất của vụ án, phân tích, đánh giá các chứng cứ, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội "Trộm cắp tài sản"; Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Bích T từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự; điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: 01 xe mô tô 79C1-396.92 đã trả lại cho chủ sở hữu.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Võ Thị Thanh L đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bồi thường.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hồ Đình T, Lê Thị Thùy D đã được bồi thường, không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Đối với Hồ Đình T có hành vi mua xe mô tô do Nguyễn Thị Bích T bán nhưng không biết tài sản do Nguyễn Thị Bích T trộm cắp mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đối với Lê Thị Thùy D có hành vi mua xe mô tô của Hồ Đình T bán; Nguyễn Văn Đ có hành vi mua lại xe mô tô của Lê Thị Thùy D bán nhưng D, Đ không biết tài sản do trộm cắp mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Thị Bích T khai nhận: Nội dung bản cáo trạng truy tố bị cáo là đúng. Bị cáo có thực hiện những hành vi như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên bị cáo đã lén lút trộm cắp tài sản của chị Võ Thị Thanh L. Bị cáo nhận tội và ăn năn hối hận về hành vi của mình, không tham gia tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hồ Đình T, Lê Thị Thùy D, người làm chứng Trần Thị Thanh N vắng mặt không có lý do. Xét thấy, việc vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào Điều 292, Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục qui định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, lời khai nhận của bị cáo Nguyễn Thị Bích T phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với các tài liệu chứng cứ buộc tội, nhân thân người phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự có trong hồ sơ vụ án. Từ đó có cơ sở chứng minh vào khoảng16 giờ 30 phút ngày 03/4/2021, tại nhà bà Kinh ở thôn Thống Nhất, xã Đ, thành phố C, bị cáo lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác trong việc quản lý tài sản nên đã lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại Võ Thị Thanh L 01 xe mô tô 79C1-396.92, trị giá 18.060.000đồng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, chỉ vì để có tiền thõa mãn nhu cầu cá nhân, bị cáo đã cố ý xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân là khách thể được luật hình sự bảo vệ, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, phù hợp với nội dung bản cáo trạng. Quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tự nguyện bồi thường thiệt hại và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt theo quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, nên cần áp dụng để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định, chưa có tiền án, tiền sự nên không nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội cũng đủ điều kiện giáo dục, cải tạo bị cáo, vì vậy cần áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự, giao về chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục là phù hợp.

[4] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Trong hồ sơ thể hiện bị hại Võ Thị Thanh L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hồ Đình T đã được trả lại tiền và tài sản, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về vật chứng của vụ án: 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave RSX, màu đỏ đen biển số 79C1-396.92 đã trả lại cho chủ sở hữu theo biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 16/8/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C và chị Võ Thị Thanh L là có căn cứ theo khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự.

Đối với Hồ Đình T có hành vi mua xe mô tô do Nguyễn Thị Bích T bán nhưng không biết tài sản do Nguyễn Thị Bích T trộm cắp mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đối với Lê Thị Thùy D có hành vi mua xe mô tô của Hồ Đình T bán; Nguyễn Văn Đ có hành vi mua lại xe mô tô của Lê Thị Thùy D bán nhưng D, Đ không biết tài sản do trộm cắp mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự;

Điều 136; Điều 292, Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự;

Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Bích T 01 (Một) năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản", thời gian thử thách là 02 (Hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 12/01/2022).

Giao bị cáo Nguyễn Thị Bích T cho chính quyền địa phương nơi cư trú là UBND xã Đ, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Nguyễn Thị Bích T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Nguyễn Thị Bích T cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Nguyễn Thị Bích T phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị Bích T phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Thị Bích T, bị hại Võ Thị Thanh L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hồ Đình T, Lê Thị Thùy D có quyền kháng cáo phần có liên quan trong bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đình Huy

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Khánh Hòa;*
- *VKSND thành phố C;*
- *VKSND tỉnh Khánh Hòa;*
- *Công an thành phố C;*
- *Bộ phận Hồ sơ nghiệp vụ Công an Tp C*
- *Chi cục THADS thành phố C;*
- *Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;*
- *Bị cáo.*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Đ, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa;*
- *Lưu HS, AV;*